

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2023/LĐ-PT

Ngày: 21/3/2023

V/v Tranh chấp về tiền lương

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

▣ Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang

Ông Nguyễn Ngọc Tài

▣ *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Hoa Thiên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

▣ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà Nguyễn Bá Thu Thu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15 và 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 04/LĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp về đòi tiền lương”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 79/2022/LĐ-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 706/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 1190/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà NTKQ, sinh năm 1988; địa chỉ: 294/9B đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Cty TNHH TMVDV SBVN; địa chỉ: L1, TA, CNC PMQT, p.TCH, Q.MH, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông TTTN, sinh năm 1989; địa chỉ: 10, 162 PS, p.BN, Q.M, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01/2022/UQ ngày 15/7/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2022, bản tự khai, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà NTKQ trình bày:

Ngày 11/3/2020, Bà NTKQ (sau đây viết tắt là bà Q) được Cty TNHH TMVDV SBVN (sau đây viết tắt là Cty SB) nhận vào thử việc với vị trí Trợ lý Phó giám đốc Thương mại, thời gian thử việc từ ngày 11/03/2020 đến ngày 10/5/2020, mức lương 12.000.000 đồng/tháng (hưởng 85% lương trong thời gian thử việc).

Hết thời gian thử việc, ngày 11/5/2020, bà Q và Cty SB giao kết “Hợp đồng lao động” số 040520/HĐ-LĐ, loại hợp đồng lao động xác định thời hạn từ ngày 11/5/2020 đến ngày 10/5/2021. Nội dung cụ thể: vị trí là thư ký phó giám đốc thương mại, mức lương chính thức là 12.000.000 đồng/tháng (trong đó: lương cơ bản là 5.300.000 đồng, phụ cấp nhà ở : 3.700.000 đồng, phụ cấp xăng : 3.000.000 đồng) và các khoản thưởng khác theo quy định của công ty.

Về các khoản tiền thưởng: Cty Cp SB (công ty mẹ) sở hữu 100% vốn của Cty TNHH TMVDV SB (công ty con) nên việc quy định chính sách của công ty sẽ được áp dụng chung cho toàn hệ thống Cty S. Tháng 9/2020, Cty Cp SB VN ban hành quyết định thưởng theo chỉ tiêu KPIs, được hiểu là hiệu quả công việc, theo đó kết quả kinh doanh hàng quý của công ty đạt từ 70% trở lên trên tổng mục tiêu của công ty yêu cầu, nhân viên phòng kinh doanh sẽ được hưởng tiền thưởng KPIs theo từng tháng tương ứng với cấp bậc được quy định tương đương 2.000.000 đồng/tháng hoặc 6.000.000 đồng/quý.

Quyết định thưởng theo chỉ tiêu KPIs và OKR được áp dụng cho toàn bộ nhân viên của công ty mẹ và công ty thành viên.

Ngày 30/6/2021, bà Q nộp đơn xin nghỉ việc và được Cty SB ký đơn đồng ý cho bà Q nghỉ việc kể từ ngày 01/8/2021. Tuy nhiên, sau khi bà Q nghỉ việc thì Cty SB chưa thanh toán cho bà Q các khoản tiền sau: Tiền lương còn nợ tính từ ngày 26/6/2021 đến hết ngày 31/7/2021 số tiền là 14.188.230 đồng; Tiền lương 04 ngày phép của năm 2021 số tiền là 1.846.152 đồng; Tiền thưởng KPIs quý 2/2021, số tiền là 6.000.000 đồng; Tiền thưởng OKR quý 2/2021, số tiền là 3.600.000 đồng.

Do vậy, bà Q khởi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Cty SB có nghĩa vụ trả cho bà các khoản tiền sau:

- Tiền lương còn nợ tính từ ngày 26/6/2021 đến hết ngày 31/7/2021, số tiền là 14.188.230 đồng; Tiền lương của 04 ngày phép năm 2021 được quy đổi ra lương, số tiền là 1.846.152 đồng ; tổng cộng hai khoản là 16.034.382 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 16/8/2021 đến 30/9/2022 là 13 tháng 14 ngày tương đương số tiền là 460.522 đồng.

- Tiền thưởng KPIs quý 2/2021, số tiền là 6.000.000 đồng.

- Tiền thưởng OKR quý 2/2021, số tiền là 3.600.000 đồng.

2. Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Cty TNHH TMVDV SB do Ông TTTN là người đại diện ủy quyền trình bày :

Cty SB xác nhận có giao kết “Hợp đồng lao động” số 040520/HĐ-LĐ ngày 11/5/2021 với Bà NTKQ, loại hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng, tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 10/5/2021 đúng như bà Q trình bày.

Bà Q đã nghỉ việc tại Cty SB từ ngày 01/8/2021 theo đơn nghỉ việc và đã được Cty SBrothers chấp nhận. Công ty xác nhận còn nợ tiền lương của bà Q tính từ ngày 26/6/2021 đến ngày 31/7/2021 và tiền lương quy đổi từ 04 ngày phép, tổng cộng là 16.034.382 đồng. Cty SB đồng ý với yêu cầu của bà Q về việc trả khoản tiền lương 16.034.382 đồng và tiền lãi do chậm trả lương theo yêu cầu của bà Q.

Về khoản tiền thưởng KPIs và OKR mà bà Q yêu cầu, Cty SB không đồng ý trả khoản tiền thưởng này cho bà Q.

3. Tại bản án lao động sơ thẩm số 79/2022/LĐ-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Buộc Cty TNHH TMVDV SBVN trả cho Bà NTKQ số tiền 26.067.371 đồng (hai mươi sáu triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi mốt đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

4. Ngày 13/10/2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Siam Brothers kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nội dung tiền thưởng KPIs và OKR.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

7. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung:

Căn cứ theo văn bản SBTS/QDCTP/200901-2 ngày 01/9/2020 của Cty SB VN quy định đối tượng và mức tiền thưởng thì bà Q không thuộc trong các đối tượng theo văn bản này. Đối với khoản tiền thưởng OKR thì văn bản ban hành được áp dụng cho Cty Cp SB Việt Nam chứ không phải áp dụng cho Cty TNHH SB VN, mặt khác Cty SB không thừa nhận áp dụng văn bản này. Do đó không đủ cơ sở để áp dụng chính sách thưởng KPIs và OKR đối với bà Q theo Hợp đồng lao động đã ký kết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo

của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nội dung yêu cầu bị đơn trả khoản tiền thưởng KPIs và OKR.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Bản án sơ thẩm số 79/2022/LĐ-ST của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 30/9/2022. Ngày 13/10/2022, bị đơn kháng cáo với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định nên được chấp nhận về thời hạn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà NTKQ: Yêu cầu Cty SB VN trả khoản tiền lương còn thiếu tính từ ngày 26/6/2021 đến ngày 31/7/2021 là 14.188.230 đồng và khoản tiền của 04 ngày phép năm 2021 được quy đổi ra lương là 1.846.152 đồng; tiền lãi do chậm trả lương tạm tính từ ngày 16/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2021 là 460.522 đồng; khoản tiền thưởng KPIs của quý 2/2021 (tháng 4, 5, 6/2021) là 6.000.000 đồng; khoản tiền thưởng OKR quý 2/2021 là 3.600.000 đồng.

Căn cứ hợp đồng lao động ký kết ngày 11/5/2020 và sự thừa nhận của các bên, có cơ sở để xác định giữa Cty SB VN và Bà NTKQ có giao kết hợp đồng lao động có thời hạn từ ngày 11/5/2020 đến ngày 10/5/2021, vị trí công việc: Thư ký Phó Giám đốc Thương mại, bộ phận Kinh doanh; mức tiền lương cơ bản: 5.300.000 đồng, các phụ cấp khác: 6.700.000 đồng. Ngoài ra, còn có các khoản tiền thưởng khác theo quy định của công ty. Sau khi hợp đồng lao động kết thúc thời hạn vào ngày 10/5/2021, bà Q vẫn tiếp tục làm việc tại Cty SB cho đến ngày 31/7/2021 nhưng các bên không ký kết hợp đồng lao động mới nên hợp đồng đã giao kết trên trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Bộ luật Lao động năm 2012. Hợp đồng lao động được giao kết trên cơ sở thỏa thuận của các bên, phù hợp với pháp luật lao động nên có hiệu lực và ràng buộc các bên có nghĩa vụ thực hiện.

Ngày 30/6/2021, bà Q có đơn xin nghỉ việc kể từ ngày 01/8/2021 và được Cty SB VN đồng ý ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Q vào ngày 01/8/2021, đây được xác định thuộc trường hợp các bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, sau khi nghỉ việc bà Q chưa được Cty SB VN trả khoản tiền lương từ ngày 26/6/2021 đến ngày 31/7/2021 và khoản tiền thưởng KPIs, OKR của quý 2/2021 (tháng 4, 5, 6/2021).

[2.1.1] Đối với khoản tiền lương và tiền lãi do chậm thanh toán lương: Tại phiên tòa, Cty SB VN thừa nhận chưa trả đủ lương và đồng ý tiếp tục trả cho bà Q khoản tiền lương, tiền ngày phép được quy đổi ra lương, tổng cộng là 16.034.382 đồng. Về mức tiền lãi do chậm thanh toán lương, các bên

thống nhất mức tiền lãi là 2,7%/năm; tiền lãi do chậm thanh toán lương tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 460.522 đồng. Do các đương sự không có ý kiến yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết đối với các khoản tiền lương và mức tiền lãi trên nên Hội đồng xét xử không xem xét lại phần này.

[2.1.2] Đối với khoản tiền thưởng KPIs :

Cty SB VN thừa nhận có ban hành quy định về chỉ tiêu thưởng KPIs nhưng cho rằng đối tượng được thưởng và mức thưởng là do công ty tự quyết định trên cơ sở đánh giá năng lực mỗi cá nhân. Bà Q không được xét thưởng chỉ tiêu KPIs nên Cty SB VN không đồng ý thưởng cho bà Q theo yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, bà Q cũng không cung cấp được chứng cứ là bảng đánh giá hoàn thành mục tiêu để chứng minh là bà Q đạt 90% mục tiêu doanh thu.

Căn cứ vào Điều 3.1 của Hợp đồng lao động ký kết ngày 11/5/2020 và Văn bản ký hiệu SBTS/QDCTP/200901-2 ngày 01/9/2020 của Cty SB VN quy định về mức tiền thưởng, có cơ sở để xác định Cty SB VN có thỏa thuận thưởng với người lao động và có ban hành quy định thưởng chi tiết.

Tại Điều 104 của Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: *“Thưởng là số tiền hoặc tài sản hoặc bằng các hình thức khác mà người sử dụng lao động thưởng cho người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh, mức độ hoàn thành công việc của người lao động”*

Mặt khác, tại bảng sao kê chi tiết giao dịch do Ngân hàng Techcombank cung cấp (bút lục số 54) thì ngày 31/3/2021, Cty SB VN đã chuyển khoản cho bà Q số tiền 8.100.000 đồng với nội dung tiền KPIs quý 4/2020; đối với khoản KPIs quý 1/2021, bà Q khẳng định đã nhận và ký nhận trực tiếp tại công ty nên không yêu cầu đối với khoản tiền này. Như vậy, có cơ sở để xác định Cty SB VN đã từng trả tiền thưởng KPIs cho bà Q nên việc Cty SB VN cho rằng bà Q không thuộc đối tượng được Công ty thưởng KPIs là không chính xác và có sự mâu thuẫn giữa lời khai của Cty SB VN và chứng cứ nêu trên.

Đối chiếu với các chứng cứ và Điều luật được viện dẫn trên, Hội đồng xét xử xét yêu cầu về khoản tiền thưởng KPIs của bà Q là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.1.3] Đối với khoản tiền thưởng OKR :

Cty SB VN cho rằng văn bản quy định về việc áp dụng chính sách lương mục tiêu cho nhân viên từ tháng 4/2021 do bà Q cung cấp là do Cty Cp SB Việt Nam ban hành vào tháng 3/2021; mặc dù Cty Cp SB Việt Nam sở hữu 100% vốn của Cty TNHH SB VN nhưng là 02 pháp nhân hoạt động độc lập nên không thể áp dụng quy định thưởng OKR của Cty Cp SB Việt Nam cho Cty TNHH SB VN được.

Tại phiên tòa, đại diện Cty SB VN thừa nhận thực tế Cty SB VN có chi thưởng OKR cho nhân viên của Cty SB VN nhưng đối tượng được thưởng OKR phải được công ty thỏa thuận riêng bằng văn bản, đối với bà Q thì công ty không thỏa thuận thưởng OKR. Tuy nhiên, Cty SB VN từ chối cung cấp văn bản thỏa

thuận tiền thưởng OKR với các cá nhân lao động khác được nhận thưởng tại công ty, mà yêu cầu bà Q phải có nghĩa vụ cung cấp văn bản thỏa thuận thưởng OKR của bà Q để chứng minh cho yêu cầu của bà là gây bất lợi cho người lao động và là bên yếu thế. Vì thực tế khoản thưởng KPIs và OKR đều được ban hành bằng văn bản và được thông báo chung cho toàn thể nhân viên, Cty SB cũng thừa nhận bà Q đã được nhận tiền thưởng KPIs nhưng giữa Cty SB VN và bà Q không ký kết bất kỳ văn bản thỏa thuận thưởng nào. Do đó, việc Cty SB VN yêu cầu bà Q cung cấp văn bản thỏa thuận thưởng là không khả thi và không cần thiết.

Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nội dung về khoản tiền thưởng KPIs và OKR là không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm **chấp** nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà NTKQ là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Cty TNHH SB VN, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Q được chấp nhận nên bị đơn Cty TNHH SB VN phải chịu án phí.

Án phí lao động phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Cty SB VN phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 22 của Bộ luật Lao động năm 2012.
- Căn cứ vào Điều 104 của Bộ luật Lao động năm 2019.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Cty TNHH SB VN.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 79/2022/LĐST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Commented [TQ1]:

3.1 Buộc Cty TNHH SB VN có nghĩa vụ trả cho bà Q tiền lương số tiền là 14.188.230 đồng (mười bốn triệu một trăm tám mươi tám nghìn hai trăm ba mươi đồng), tiền lương được quy đổi từ ngày phép năm là 1.846.152 đồng (một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm năm mươi hai đồng), tiền lãi do chậm thanh toán lương tính đến ngày 30/9/2022 là 460.522 đồng (bốn trăm sáu mươi nghìn năm trăm hai mươi hai đồng).

3.2 Buộc Cty TNHH SB VN có nghĩa vụ trả cho bà Q tiền thưởng KPIs quý 2/2021 là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) và khoản tiền thưởng OKR quý 2/2021 là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Q có đơn thi hành án mà Cty TNHH SB VN chưa thi hành xong thì Cty TNHH SB VN còn phải trả tiền lãi cho bà Q kể từ ngày 01/10/2021 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất 2,7%/năm.

4. Các quyền và nghĩa vụ về thi hành án của các đương sự được thực hiện tại Cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

5. Án phí lao động sơ thẩm: Cty TNHH SB VN phải chịu là 782.019 đồng (bảy trăm tám mươi hai nghìn không trăm mười chín đồng).

6. Án phí lao động phúc thẩm: Cty TNHH SB VN phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà Cty TNHH SB VN đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2022/004750 ngày 28/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 12;
- Cục Thi hành án dân sự Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Anh